

**GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ**  
 Ngày 12 tháng 12 năm 2013

1	Tên Công ty quản lý quỹ:	Công Ty TNHH Một Thành Viên Quản Lý Quỹ ACB
2	Tên Ngân hàng giám sát:	Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)
3	Tên Quỹ:	Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng ACB (ACBGF)
4	Ngày lập báo cáo:	Ngày 13 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND/%

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO	KỲ TRƯỚC
A	Giá trị tài sản ròng		
A.1	Giá trị đầu kỳ		
	<i>của quỹ</i>	263 098 473 718	262 760 282 615
	<i>của một chứng chỉ quỹ</i>	10 959	10 945
A.2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ		
	<i>của quỹ</i>	263 381 158 776	263 098 473 718
	<i>của một chứng chỉ quỹ</i>	10 971	10 959
A.3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ trong kỳ, trong đó	12	14
	<i>Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ</i>	12	14
	<i>Thay đổi do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ</i>		
A.4	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất		
	<i>Giá trị cao nhất (VND)</i>	291 465 247 651	291 465 247 651
	<i>Giá trị thấp nhất (VND)</i>	260 617 305 704	260 617 305 704
B	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ Quỹ		
B.1	Giá trị đầu kỳ	8 400	8 400
B.2	Giá trị cuối kỳ	8 300	8 400
B.3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước	- 100	
B.4	Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ		
	<i>Chênh lệch tuyệt đối (VND)</i>	- 2 671	- 2 559
	<i>Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+))</i>	-24.35%	-23.35%
B.5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất		
	<i>Giá trị cao nhất (VND)</i>	13 400	13 400
	<i>Giá trị thấp nhất (VND)</i>	7 900	7 900

Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)  
 Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

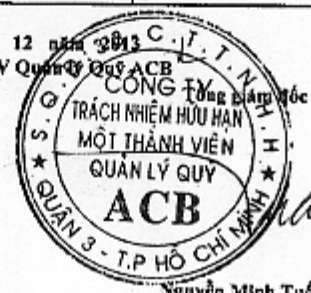


Lê Sỹ Hoàng

Ngày 13 tháng 12 năm 2013  
 Công ty TNHH MTV Quản Lý Quỹ ACB

Kế toán trưởng

Phạm Trâm Như Nguyễn



Nguyễn Minh Tuấn